

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST – DS ngày 04/01/2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái D D xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nguyệt, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội

(Theo văn bản ủy quyền ngày 14/01/2022)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1946

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D là: Chị Nguyễn Thị Thu Huyền, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội

(Theo văn bản ủy quyền ngày 22/02/2022)

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1949

Địa chỉ: Tổ 9, phường M, Thành phố S, tỉnh S

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D là: Chị Nguyễn Thị Hồng Vân, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tập thể in Bưu điện, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội

(Theo văn bản ủy quyền ngày 22/02/2022)

- Ông Bùi Bá T, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn J, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (chết năm 2015)

HKTT: Thôn X, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn T:

- Bà Trần Thị Thoa, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội

- Anh Nguyễn Minh Quyền, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội

- Chị Nguyễn Thị Diệu Linh, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn, huyện K, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Minh Quyền và chị Nguyễn Thị Diệu Linh là Bà Trần Thị Thoa (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2022)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tài sản chung:

Xác nhận thửa đất số 4(2), tờ bản đồ số 33; địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội; diện tích 117m² (trong đó sử dụng riêng 100m², sử dụng chung 17m²) là tài sản chung của ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Bá T theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BM 959234 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 03/4/2014. Giá trị của khối tài sản chung nêu trên là 2.000.000.000 đồng.

2.2. Về quan hệ huyết thống:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962, chết năm 2015; HKTT: Thôn X, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội

Bố mẹ đẻ của ông T là cụ Nguyễn Văn Ngõ (chết năm 1982) và cụ Nguyễn Thị Lựu (chết năm 1984).

Ông Nguyễn Văn T có vợ duy nhất là bà Trần Thị Thoa, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội.

Bà Thoa và ông T có 02 người con đẻ là: Anh Nguyễn Minh Quyền, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội và chị Nguyễn Thị Diệu Linh, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn, huyện K, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra ông T không có bố nuôi, mẹ nuôi, vợ, con riêng, con nuôi, người có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nào khác.

Xác nhận bà Trần Thị Thoa, anh Nguyễn Minh Quyền và chị Nguyễn Thị Diệu Linh là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T. Ngoài ra không có ai khác.

2.3. Về phân chia tài sản chung:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

2.3.1. Ông Nguyễn Văn D được quyền sử dụng phần diện tích đất sử dụng riêng là 83,3m² và toàn bộ tài sản, công trình xây dựng gắn liền với đất của thửa đất số 4(2), tờ bản đồ số 33; địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BM 959234 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 03/4/2014. Giá trị phần diện tích đất ông Nguyễn Văn D được hưởng là 1.666.000.000 đồng.

2.3.2. Ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng phần diện tích đất sử dụng riêng là 16,7m² và toàn bộ tài sản, công trình xây dựng gắn liền với đất của thửa đất số 4(2), tờ bản đồ số 33; địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BM 959234 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 03/4/2014. Giá trị phần diện tích đất ông Nguyễn Văn C được hưởng là 334.000.000 đồng.

2.3.3. Ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng chung phần diện tích đất sử dụng chung là 17m² của thửa đất số 4(2), tờ bản đồ số 33; địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã X, huyện K, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BM 959234 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 03/4/2014.

(Có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo)

Ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn C có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được phân chia nêu trên theo quy định pháp luật.

2.3.4. Các đương sự xác nhận đã tự thanh toán cho nhau xong phần giá trị chênh lệch tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn C được miễn nộp tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị M được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét, giải quyết về tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thành Nam